

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

LA NGUYỆT ANH

NGÔN TỪ NGHỆ THUẬT THƠ MỚI

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

THÁI NGUYÊN - 2013
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

LA NGUYỆT ANH

NGÔN TỪ NGHỆ THUẬT THƠ MỚI

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 62.22.01.21

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. PGS.TS. NGUYỄN ĐĂNG ĐIỆP**
- 2. TS. LÊ HỒNG MY**

THÁI NGUYÊN - 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả trong luận án là trung thực và chưa được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận án

La Nguyệt Anh

MỤC LỤC

	Trang
Lời cam đoan	i
Mục lục	ii
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
3. Mục đích nghiên cứu	4
4. Nhiệm vụ nghiên cứu	4
5. Phương pháp nghiên cứu	6
6. Đóng góp mới của luận án	6
7. Cấu trúc của luận án	6
NỘI DUNG	7
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU NGÔN TỪ NGHỆ THUẬT THƠ MỚI	7
1.1. Nghiên cứu về ngôn từ nghệ thuật Thơ mới giai đoạn 1932 - 1945	7
1.2. Nghiên cứu về ngôn từ nghệ thuật Thơ mới giai đoạn 1945 - 1985	12
1.3. Nghiên cứu về ngôn từ nghệ thuật Thơ mới từ 1986 đến nay	14
CHƯƠNG 2. THƠ MỚI – MỘT HÌNH THỨC GIAO TIẾP NGHỆ THUẬT MỚI	24
2.1. Ngôn từ nghệ thuật - một hình thức giao tiếp đặc biệt	24
2.1.1. Khái niệm ngôn từ và ngôn từ nghệ thuật	24
Số hóa bởi Trung tâm Học liệu	http://www.lrc-tnu.edu.vn/

2.1.2. Đặc trưng của <i>ngôn từ nghệ thuật</i> và <i>ngôn từ nghệ thuật thơ</i>	28
2.2. Giao tiếp nghệ thuật Thơ mới - một hiện tượng văn hóa mới	39
2.2.1. <i>Những tiền đề lịch sử, văn hóa, xã hội dẫn đến sự ra đời của Thơ mới</i>	39
2.2.2. <i>Chủ thể lời nói trong giao tiếp nghệ thuật Thơ mới</i>	45
2.2.3. <i>Loại hình ngôn từ và tổ chức giao tiếp nghệ thuật Thơ mới</i>	50
CHƯƠNG 3. ĐẶC TRƯNG NGÔN TỪ NGHỆ THUẬT THƠ MỚI	54
3.1. Ngôn từ Thơ mới mang đậm tính chủ quan, thiên về cảm xúc, cảm giác	54
3.1.1. <i>Sự chủ quan hóa ngôn từ Thơ mới</i>	54
3.1.2. <i>Sự đa điệu của cảm xúc, cảm giác</i>	58
3.2. Ngôn từ Thơ mới tiếp nối và phát triển ngôn ngữ thơ trữ tình truyền thống	66
3.2.1. <i>Tiếp nối và phát triển ngôn ngữ thơ trữ tình dân gian</i>	66
3.2.2. <i>Tiếp thu những sáng tạo ngôn ngữ thơ trữ tình trung đại</i>	73
3.2.3. <i>Dịch chuyển gần hơn với ngôn ngữ đời sống</i>	78
3.3. Ngôn từ Thơ mới có sự kết hợp giữa thơ Đường và thơ Pháp	82
3.3.1. <i>Sự tích hợp giữa tư duy ngôn ngữ thơ Đường và tư duy ngôn ngữ thơ Pháp</i>	82
3.3.2. <i>Sự ra đời của một hình thức ngôn từ mới: hiện đại đầy cá tính</i>	86
CHƯƠNG 4. TỔ CHỨC VĂN BẢN NGÔN TỪ NGHỆ THUẬT THƠ MỚI	95
4.1. Từ ngữ Thơ mới phong phú, đa dạng	95
4.1.1. <i>Sáng tạo từ ngữ trên cơ sở kết ghép</i>	95
4.1.2. <i>Sáng tạo từ ngữ theo cơ chế chuyển nghĩa</i>	101

	107
4.2. Cú pháp Thơ mới linh hoạt, sáng tạo	107
<i>4.2.1. Xu hướng kế thừa cú pháp câu thơ truyền thống</i>	116
<i>4.2.2. Xu hướng nói lỏng cú pháp câu thơ Đường luật</i>	119
<i>4.2.3. Những bút phá mới</i>	128
4.3. Tổ chức bài thơ trong Thơ mới tự do, phóng khoáng	128
<i>4.3.1. Tổ chức bài thơ theo dòng âm thanh ngôn ngữ</i>	138
<i>4.3.2. Tổ chức bài thơ theo dòng cảm xúc</i>	142
<i>4.3.3. Tổ chức bài thơ theo dòng tự sự</i>	147
KẾT LUẬN	
DANH MỤC BÀI BÁO, CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	151
TÀI LIỆU THAM KHẢO	152

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Ngôn từ là yếu tố thứ nhất của văn học. Sáng tạo, tiếp nhận, đánh giá văn học nói chung và thơ nói riêng không thể thiếu được yếu tố này. Ngôn từ nghệ thuật là một sự phân tầng khác của ngôn ngữ tự nhiên, “trưng xâm” nhưng không đồng nhất với ngôn ngữ tự nhiên. Nếu ngôn ngữ tự nhiên thường mang tính ổn định, thì ngôn từ nghệ thuật - đặc biệt ngôn từ thơ - với tư cách là một “mã” nghệ thuật luôn thay đổi. Mỗi thời đại văn học, mỗi trào lưu, khuynh hướng, mỗi tác giả lại có cách sử dụng ngôn ngữ riêng để mang đến một “thực tại” và hình thức mới cho ngôn từ nghệ thuật thơ.

1.2. Trong dòng chảy của thơ ca Việt Nam, phong trào Thơ mới (1932 – 1945) là một hiện tượng độc đáo, đặc sắc. Trên hành trình sáng tạo, các nhà Thơ mới đã đạt được thành công rực rỡ, đặt nền móng vững chắc cho công cuộc hiện đại hóa thơ Việt Nam. Hơn tám thập kỷ đã trôi qua, từ khi có “một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ” đến nay, Thơ mới vẫn luôn thu hút sự quan tâm, yêu mến của độc giả và của giới nghiên cứu, phê bình văn học. Đặc biệt, vấn đề ngôn từ nghệ thuật Thơ mới luôn hấp dẫn người sáng tác, người thưởng thức và những người nghiên cứu thơ.

1.3. Các công trình nghiên cứu và bài viết về Thơ mới đã khám phá ngôn từ thơ ở nhiều phương diện như: vần thơ, nhịp thơ, nhạc điệu, từ ngữ, phương thức biểu đạt, cấu trúc ngôn từ... Tuy nhiên, những khám phá, phân tích, lý giải chủ yếu tập trung vào khẳng định sức sáng tạo của từng cây bút hoặc nét độc đáo của từng thi phẩm. Trên hành trình nghiên cứu Thơ mới, nhiều vấn đề đã được bàn đến, những thành tựu và cả phần hạn chế của Thơ mới đã được khẳng định. Tuy nhiên, vấn đề ngôn từ nghệ thuật Thơ mới vẫn thiếu cái nhìn

toàn diện, hệ thống và còn có những điểm cần tiếp tục đi sâu tìm hiểu, phân tích, tổng hợp.

Tiếp thu thành tựu của những người đi trước, tìm hiểu kết quả nghiên cứu về ngôn từ nghệ thuật những thập niên gần đây, chúng tôi thấy rằng, đã đến lúc cần thiết và có cơ sở để thực hiện một công trình nghiên cứu chuyên sâu về ngôn từ nghệ thuật Thơ mới; tiếp tục đáp ứng nhu cầu thưởng thức, khám phá hiện tượng văn học độc đáo, đặc sắc này khi trình độ tri nhận của độc giả ngày càng được mở rộng, nâng cao. Từ việc tập trung nhận diện, phân tích, đánh giá đặc trưng ngôn từ nghệ thuật Thơ mới, luận án góp phần khẳng định những đóng góp đáng trân trọng của Thơ mới trong quá trình hiện đại hóa ngôn ngữ văn học Việt Nam.

1.4. Thơ mới có một vị trí quan trọng trong chương trình Ngữ văn ở các bậc học. Thực tiễn giảng dạy và học tập về Thơ mới đòi hỏi sự chiếm lĩnh ngày càng sâu sắc những sáng tạo nghệ thuật của các nhà thơ, giúp người dạy và người học nhận thức vai trò và ý nghĩa của “cuộc cách mạng thơ ca” - đặc biệt là trên phương diện thể loại và ngôn ngữ - mà các nhà Thơ mới đã đóng góp cho nền văn học nước nhà. Việc tìm hiểu, nghiên cứu nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập Thơ mới nói riêng và văn học Việt Nam hiện đại nói chung trong nhà trường cũng là một lý do thôi thúc chúng tôi mạnh dạn lựa chọn đề tài này. Hy vọng kết quả nghiên cứu vấn đề *Ngôn từ nghệ thuật Thơ mới* không chỉ có ý nghĩa thiết thực đối với tác giả luận án mà còn có ý nghĩa tích cực đối với thực tiễn nghiên cứu, dạy và học môn Ngữ văn trong nhà trường.

Xuất phát từ những yêu cầu khoa học và nhu cầu thực tiễn trên, chúng tôi lựa chọn đề tài: *Ngôn từ nghệ thuật Thơ mới*.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án xác định đối tượng nghiên cứu là ngôn từ nghệ thuật trong các sáng tác của các nhà thơ thuộc phong trào Thơ mới 1932 – 1945.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện đề tài, tập trung vào đối tượng nghiên cứu, chúng tôi khảo sát, nghiên cứu sáng tác của các tác giả Thơ mới qua các tuyển tập thơ và các tập thơ được xuất bản (hoặc tái bản) trong nước từ trước Cách mạng tháng Tám đến nay, cụ thể:

- *Thi nhân Việt Nam* (Hoài Thanh – Hoài Chân, Nxb Văn học, Hà Nội, 1998, in lần thứ mười bốn) [167].

- *Thơ mới 1932 - 1945: Tác giả và tác phẩm* (Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, 2006, in lần thứ sáu) [183].

Các tập thơ tiêu biểu trong phong trào Thơ mới:

- *Tâm hồn tôi* của Nguyễn Bính (Nxb Văn nghệ, tái bản, 1999) [14].
- *Lửa thiêng* của Huy Cận (Nxb Hội Nhà văn, 1992, theo bản in năm 1940) [15].
- *Thơ thơ* (Nxb Hội Nhà văn, 1992, theo bản in năm 1938) [26], *Gửi hương cho gió* của Xuân Diệu (Nxb Hội Nhà văn, 1992, theo bản in năm 1945) [27].
- *Hoa niên* của Tế Hanh (Nxb Đời nay, 1945) [63].
- *Mê hồn ca* của Đinh Hùng (Nxb Hội Nhà văn, tái bản, 1995) [75].
- *Tiếng thu* của Lưu Trọng Lư (Nxb Hội Nhà văn, 1992, theo bản in năm 1939) [104].
- *Mấy vần thơ* của Thế Lữ (Nxb Hội Nhà văn, 1992, theo bản in năm 1941) [105].
- *Gái quê* của Hàn Mặc Tử (Nxb Hội Nhà văn, tái bản, 1992) [211].
- *Điều tàn* của Chế Lan Viên (Nxb Hội Nhà văn, 1992, theo bản in năm 1938) [212]...